

Bản án số: 294/2026/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 8 - 2026

Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đích** và bà **Nguyễn Thị Kim Ngân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Bích Hậu** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Lâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1010/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1017/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10.7.2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Kim Ân H** - Sinh năm 1971. Số CCCD: 048071000912 cấp ngày 20.4.2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C. Địa chỉ: P Chung cư A, đường N, tổ B, phường S, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị X** - Sinh năm 1974. Số CCCD: 048174005337 cấp ngày 10.11.2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C. Địa chỉ: A đường L, tổ A, phường S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26.3.2026 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Kim Ân H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Kim Ân H và bà Nguyễn Thị X đã từng kết hôn với nhau và đã giải quyết ly hôn. Sau đó ông Kim Ân H và bà Nguyễn Thị X tự nguyện kết hôn lại vào năm 2024, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng (cũ). Vợ chồng chung sống được một thời gian thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, thường xuyên xảy ra cãi

cọ. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ năm 2025. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm, không có trách nhiệm gì với nhau. Vì vậy, ông Kim Ân H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Kim Ân H được ly hôn với bà Nguyễn Thị X.

- Về con chung: Ông Kim Ân H xác nhận vợ chồng có hai con chung là Kim Long H1 (sinh năm 2002) và Kim Quốc H2 (sinh năm 2006). Các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Kim Ân H xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Kim Ân H xác định vợ chồng không nợ gì ai.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X đã được Tòa án thực hiện thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Kim Ân H và không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Kim Ân H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X đã được triệu tập để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm mở phiên tòa và tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử dụng khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa ông Kim Ân H và bà Nguyễn Thị X là trầm trọng, việc chung sống không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Kim Ân H đối với bà Nguyễn Thị X. Các con chung Kim Long Hô và Kim Quốc H2 đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề cập đến. Ông Kim Ân H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không nợ gì ai nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Kim Ân H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị X. Đây là tranh chấp “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị X cư trú tại phường S, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị X đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Ông Kim Ân H và bà Nguyễn Thị X tự nguyện kết hôn vào năm 2024; Giấy chứng nhận kết hôn số: 10, đăng ký ngày 26.01.2024 tại Ủy ban nhân dân phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường S, thành phố Đà Nẵng). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của ông Kim Ân H: Ông Kim Ân H cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng tính cách cũng như quan điểm sống, hay xảy ra cãi cọ. Vợ chồng không còn tình cảm hay trách nhiệm gì đối với nhau. Về phía bà Nguyễn Thị X, mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc ông Kim Ân H xin ly hôn cũng như thông báo về các phiên hòa giải nhưng bà Nguyễn Thị X không có ý kiến và không đến Tòa án để giải quyết vụ việc. Việc này cho thấy bà Nguyễn Thị X cũng không có thiện chí hoặc thể hiện mong muốn đoàn tụ gia đình, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Kim Ân H. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Kim Ân H và bà Nguyễn Thị X là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Kim Ân H yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị X là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần được chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông Kim Ân H và bà Nguyễn Thị X có hai con chung tên Kim Long H1 (sinh năm 2002) và Kim Quốc H2 (sinh năm 2006). Các con chung hiện nay đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Kim Ân H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không đề cập đến.

[2.4] Về nợ chung: Ông Kim Ân H xác nhận vợ chồng không nợ gì ai nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Kim Ân H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/UBTVQH15 ngày 25.6.2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn*” của ông Kim Ân H đối với bà Nguyễn Thị X.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Kim Ân H được ly hôn với bà Nguyễn Thị X.

2. Về quan hệ con chung: Các con chung tên Kim Long H1 (sinh năm 2002) và Kim Quốc H2 (sinh năm 2006) đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Kim Ân H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không đề cập đến.

4. Về nợ chung: Ông Kim Ân H xác nhận vợ chồng không nợ gì ai nên không đề cập giải quyết.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Kim Ân H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003474 ngày 08.4.2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Kim Ân H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Kim Ân H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Sơn Trà (Mân Thái cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**



Phạm Văn Diện